

Bản án số: 40/2024/DS-ST

Ngày 16-07-2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Kim Nhung**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hà Đồng Tịnh**.

Bà **Vũ Thị Lệ Thủy**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Võ Ngọc Tín** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Hương Thu** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 275/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 275/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 05 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2024 ngày 21 tháng 06 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP B** - Địa chỉ: Tòa nhà H N; phường E; quận C; thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Quang T**, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP B: Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức của các tổ chức tín dụng Việt Nam**. Địa chỉ: B H, phường L, quận H, thành phố Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Ông **Đoàn Văn T**, chức vụ: Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông **Đặng Đình T**, chức vụ: Phó Tổng Giám đốc. Người được ủy quyền: ông **Nguyễn Đình A**, chức vụ: Giám đốc Trung tâm B; ông **Trần Ngọc P**, chức vụ: Trưởng bộ phận Hiện trường, Trung tâm B nợ; ông **Trần Văn H**, chức vụ: Chuyên viên Hiện trường, Trung tâm B; theo Hợp đồng ủy quyền số: 1094/2023/UQ.VAMC-BVBANK ngày 08/12/2023 giữa Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức của các tổ chức tín dụng Việt Nam với Ngân hàng TMCP B. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Huỳnh Hải N**; sinh năm: 1982 và bà **Nguyễn Thị Lan A**, sinh năm: 1983. Cùng địa chỉ: G L, Tở C, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và ý kiến trong quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức của các tổ chức tín dụng Việt Nam - ông Trần Văn H trình bày:*

Ngân hàng TMCP B (Viết tắt là BVB) có ký Hợp đồng tín dụng 0052100011400 ngày 06/05/2021; Hợp đồng tín dụng 0052100023200 ngày 28/09/2021 và Giấy đề nghị kiêm HĐ cấp, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ NH điện tử số 00521000867 TD ngày 07/05/2021 với ông Huỳnh Hải N và bà Nguyễn Thị Lan A. Theo hợp đồng tín dụng, ngân hàng đã cho cho vay với nội dung chi tiết như sau:

Hợp đồng tín dụng số: 0052100011400 ngày 06/05/2021: Số tiền vay: 7,400,000,000 đồng; Mục đích vay: Bù đắp mua BĐS; Thời hạn vay: 180 tháng; Lãi suất cho vay cố định trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân đầu tiên: 9,99%/năm. Lãi suất từ tháng thứ 13 kể từ ngày giải ngân đầu tiên với mức lãi suất bằng Lãi suất cơ sở của VCCB tại thời điểm điều chỉnh + biên độ tối thiểu 3,99%/năm.

Lãi suất của toàn bộ dư nợ vay phát sinh nêu trên sẽ do VCCB quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần kể từ tháng thứ 13, với mức lãi suất bằng lãi suất cơ sở tại thời điểm điều chỉnh + biên độ tối thiểu 3.99%/năm. Nếu ngày điều chỉnh lãi suất là ngày nghỉ, ngày lễ mà VCCB không làm việc thì VCCB có quyền quyết định ngày điều chỉnh lãi suất là ngày làm việc tiếp theo của VCCB. Định kỳ điều chỉnh lãi suất không bắt buộc mà phụ thuộc vào quyết định của VCCB.

Hợp đồng tín dụng số: 0052100023200 ngày 28/09/2021: Số tiền vay: 700.000.000 đồng; Mục đích vay: Cho vay hoàn vốn tiêu dùng phục vụ nhu cầu đời sống; Thời hạn vay: 84 tháng; Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay cố định trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân đầu tiên: 10,5%/năm. Lãi suất từ tháng thứ 13 trở đi kể từ ngày giải ngân đầu tiên với mức lãi suất bằng lãi suất cơ sở của VCCB tại thời điểm điều chỉnh + biên độ tối thiểu 3,99%/năm.

Lãi suất của toàn bộ dư nợ vay phát sinh nêu trên sẽ do VCCB quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần kể từ tháng thứ 13, với mức lãi suất bằng lãi suất cơ sở tại thời điểm điều chỉnh + biên độ tối thiểu 3.99%/năm. Nếu ngày điều chỉnh lãi suất là ngày nghỉ, ngày lễ mà VCCB không làm việc thì VCCB có quyền quyết định ngày điều chỉnh lãi suất là ngày làm việc tiếp theo của VCCB. Định kỳ điều chỉnh lãi suất không bắt buộc mà phụ thuộc vào quyết định của VCCB.

Giấy đề nghị kiêm HĐ cấp, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ NH điện tử số 00521000867 TD ngày 07/05/2021. HM thẻ: 100,000,000 đồng; Số TK: 90328531001. Tình trạng thẻ: Tạm khóa.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho các khoản vay nêu trên ông Huỳnh Hải N và bà Nguyễn Thị Lan A đã ký với BVB Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đảm bảo nghĩa vụ của người khác số 0052100011300 ngày 06/05/2021 số công chứng 4706 do ăn phòng C chứng nhận. Cam kết bảo đảm bằng tài sản ngày 06/05/2021. Tài sản thế chấp là:

- Toàn bộ BĐS tại thửa đất số: 307, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Đường L, P. M, Quận S, thành phố Đà Nẵng GCN QSDĐ QSHNƠ & TSKGLVD số CP 850758, số vào sổ cấp GCN: CTs 177850 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 10/01/2019. Giấy phép Xây dựng số: 1630/GPXD do UBND Q. S, thành phố Đ cấp ngày 09/09/2019. Tài sản được đăng ký thế chấp tại VP ĐKĐĐ quận S, thành phố Đ ngày 06/05/2021.

Từ ngày 05/04/2023, ông Huỳnh Hải N và bà Nguyễn Thị Lan A không trả lãi cho Ngân hàng TMCP B, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo cho ông Huỳnh Hải N và bà Nguyễn Thị Lan A nhưng ông, bà không hợp tác không trả nợ cho Ngân hàng, nên ngày 18/07/2023, Ngân hàng đã nộp Đơn Khởi KIỆN tại Tòa án nhân dân quận Sơn Trà TP. Đà Nẵng.

Ngày 08/12/2023 BVBank ký Hợp đồng mua bán nợ cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức của các tổ chức tín dụng Việt Nam (Viết tắt là VAMC), đồng thời Công ty TNHH MTV Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức của các tổ chức tín dụng Việt Nam ký Hợp đồng ủy quyền cho Ngân hàng B tiếp tục khởi kiện.

Ngày 22/04/2024, BVBank có Đơn đề nghị về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là toàn bộ dư nợ gốc và lãi của Giấy đề nghị kiêm HĐ cấp, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ NH điện tử số 00521000867 TD ngày 07/05/2021. Ngày 24/04/2024, Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức của các tổ chức tín dụng Việt Nam có Đơn đề nghị thực hiện kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông Huỳnh Hải N và bà Nguyễn Thị Lan A đã trả cho ngân hàng số tiền gốc 702,654,561 đồng. Tạm tính đến hết 16/7/2024 ông Huỳnh Hải N và bà Nguyễn Thị Lan A còn nợ Ngân hàng TMCP B tổng số tiền: **8.922.710.497** đồng. Trong đó: Gốc: 7,397,345,439 đồng, L trong hạn: 1,363,694,509 đồng, L quá hạn: 161,670,549 đồng. Cụ thể như sau:

+ Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0052100011400 ngày 06/05/2021. Trong đó nợ gốc: 6.847.285.439 đồng; Lãi trong hạn: 1.270.540.523 đồng; (Tính từ ngày 07/03/2023 đến 16/07/2024, lãi suất: 14,49%); Lãi quá

hạn: 137.752.333 đồng; lãi suất: 8,45% (Tính từ 06/04/2023 đến ngày 16/07/2024); Tổng cộng: 8.922.710.497 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0052100023200 ngày 28/09/2021: Trong đó nợ gốc: 550.060.000 đồng; Lãi trong hạn: 93.153.986 đồng; (tính từ 11/03/2023 đến ngày 16/07/2024, lãi suất 14,99%); Lãi quá hạn: 23.918.216 đồng; lãi suất: 3,4% (Tính từ 06/04/2023 đến ngày 16/07/2024); Tổng cộng: 667.132.202 đồng. Kể từ đó đến nay, ông Huỳnh Hải N và bà Nguyễn Thị Lan A không trả bất cứ một khoản tiền nào. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc ông Huỳnh Hải N và bà Nguyễn Thị Lan A phải trả tổng số tiền gốc và lãi của 02 hợp đồng nêu trên: **8.922.710.497** đồng. Trong đó: Gốc: 7,397,345,439 đồng, L trong hạn: 1,363,694,509 đồng, Lãi quá hạn: 161,670,549 đồng tính đến ngày 16/7/2024 và buộc ông Huỳnh Hải N, bà Nguyễn Thị Lan A phải chịu toàn bộ số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 17/7/2024 theo mức lãi suất được quy định trong Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0052100011400 ngày 06/05/2021 và Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0052100023200 ngày 28/09/2021 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp ông Huỳnh Hải N, bà Nguyễn Thị Lan A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên thì yêu cầu tòa án tuyên Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức của các tổ chức tín dụng Việt Nam được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm đã ký kết theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đảm bảo nghĩa vụ của người khác số 0052100011300 ngày 06/05/2021. Tài sản thế chấp gồm: Toàn bộ BĐS tại thửa đất số: 307, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Đường L, P. M, quận S, thành phố Đ. GCN QSDĐ QSHNƠ & TSKGLVĐ số: CP 850758, số vào sổ cấp GCN: CTs 177850 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 10/01/2019. Giấy phép Xây dựng số: 1630/GPXD do UBND thành phố Đ cấp ngày 09/09/2019. Tài sản được đăng ký thế chấp tại VP ĐKĐĐ quận S, thành phố Đ ngày 06/05/2021. Trường hợp số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm trên không đủ thanh toán hết nợ tại BVB thì ông Huỳnh Hải N, bà Nguyễn Thị Lan A vẫn tiếp tục nghĩa vụ trả hết nợ còn thiếu cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức của các tổ chức tín dụng Việt Nam. Đồng thời buộc ông Huỳnh Hải N, bà Nguyễn Thị Lan A phải chịu toàn bộ chi phí trong quá trình tố tụng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Hải N và bà Nguyễn Thị Lan A vắng mặt nên không có lời khai.*

** Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia*

tổ tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật tố tụng cho đến phiên tòa xét xử. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 303, Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; căn cứ vào các điều khoản của Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, đề nghị HĐXX:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B: Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức của các tổ chức tín dụng Việt Nam đối với ông Huỳnh Hải N và bà Nguyễn Thị Lan A.

Buộc ông Huỳnh Hải N, bà Nguyễn Thị Lan A phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B - Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B: Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức của các tổ chức tín dụng Việt Nam tổng số tiền là **8.922.710.497** đồng. Trong đó: Gốc: 7,397,345,439 đồng, L trong hạn: 1,363,694,509 đồng, L quá hạn: 161,670,549 đồng. Cụ thể như sau:

+ Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0052100011400 ngày 06/05/2021. Trong đó nợ gốc: 6.847.285.439 đồng; Lãi trong hạn: 1.270.540.523 đồng; (Tính từ ngày 07/03/2023 đến 16/07/2024, lãi suất: 14,49%); Lãi quá hạn: 137.752.333 đồng; lãi suất: 8,45% (Tính từ 06/04/2023 đến ngày 16/07/2024); Tổng cộng: 8.922.710.497 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0052100023200 ngày 28/09/2021: Trong đó nợ gốc: 550.060.000 đồng; Lãi trong hạn: 93.153.986 đồng; (tính từ 11/03/2023 đến ngày 16/07/2024, lãi suất 14,99%); Lãi quá hạn: 23.918.216 đồng; lãi suất: 3.4% (Tính từ 06/04/2023 đến ngày 16/07/2024); Tổng cộng: 667.132.202 đồng. Kể từ đó đến nay, ông Huỳnh Hải N và bà Nguyễn Thị Lan A không trả bất cứ một khoản tiền nào. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc ông Huỳnh Hải N và bà Nguyễn Thị Lan A phải trả tổng số tiền gốc và lãi của 2 hợp đồng nêu trên: **8.922.710.497** đồng. Trong đó: Gốc: 7,397,345,439 đồng, L trong hạn: 1,363,694,509 đồng, Lãi quá hạn: 161,670,549 đồng tính đến ngày 16/7/2024

và buộc ông Huỳnh Hải N, bà Nguyễn Thị Lan A phải chịu toàn bộ số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 17/7/2024 theo mức lãi suất được quy định trong Hợp đồng dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0052100011400 ngày 06/05/2021 và Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0052100023200 ngày 28/09/2021 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp ông Huỳnh Hải N, bà Nguyễn Thị Lan A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần B - Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B: Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức của các tổ chức tín dụng Việt Nam được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm đã ký kết theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đảm bảo nghĩa vụ của người khác số 0052100011300 ngày 06/05/2021. Tài sản thế chấp gồm: Toàn bộ BĐS tại thửa đất số: 307, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Đường L, P. M, quận S, thành phố Đ. GCN QSDĐ QSHNƠ & TSKGLVĐ số: CP 850758, sổ vào sổ cấp GCN: CTs 177850 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 10/01/2019. Giấy phép Xây dựng số: 1630/GPXD do UBND thành phố Đ cấp ngày 09/09/2019. Tài sản được đăng ký thế chấp tại VP ĐKKĐ quận S, thành phố Đ ngày 06/05/2021.

Trường hợp số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm trên không đủ thanh toán hết nợ thì ông Huỳnh Hải N, bà Nguyễn Thị Lan A vẫn tiếp tục nghĩa vụ trả hết nợ còn thiếu cho Ngân hàng thương mại cổ phần B - Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B: Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức của các tổ chức tín dụng Việt Nam. Đồng thời, buộc ông Huỳnh Hải N và bà Nguyễn Thị Lan A phải chịu toàn bộ chi phí trong quá trình tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần B - Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B: Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức của các tổ chức tín dụng Việt Nam với ông Huỳnh Hải N và bà Nguyễn Thị Lan A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngân hàng thương mại cổ phần B - Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B: Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức của các tổ chức tín dụng Việt Nam là nguyên đơn trong vụ án đã có mặt tại phiên toà. Ông Huỳnh Hải N và bà Nguyễn Thị Lan A (là bị đơn trong vụ án, không

có yêu cầu phản tố), đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông N và bà A1.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngân hàng TMCP B (Viết tắt là BVB) có ký Hợp đồng tín dụng 0052100011400 ngày 06/05/2021; Hợp đồng tín dụng 0052100023200 ngày 28/09/2021 và Giấy đề nghị kiêm HĐ cấp, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ NH điện tử số 00521000867 TD ngày 07/05/2021 với ông Huỳnh Hải N và bà Nguyễn Thị Lan A. Theo hợp đồng tín dụng, ngân hàng đã cho cho vay với nội dung chi tiết như sau:

- Hợp đồng tín dụng số: 0052100011400 ngày 06/05/2021: Số tiền vay: 7,400,000,000 đồng; Mục đích vay: Bổ đắp mua BĐS; Thời hạn vay: 180 tháng; Lãi suất cho vay cố định trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân đầu tiên: 9,99%/năm. Lãi suất từ tháng thứ 13 kể từ ngày giải ngân đầu tiên với mức lãi suất bằng Lãi suất cơ sở của VCCB tại thời điểm điều chỉnh + biên độ tối thiểu 3,99%/năm.

- Hợp đồng tín dụng số: 0052100023200 ngày 28/09/2021: Số tiền vay: 700.000.000 đồng; Mục đích vay: Cho vay hoàn vốn tiêu dùng phục vụ nhu cầu đời sống; Thời hạn vay: 84 tháng; Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay cố định trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân đầu tiên: 10,5%/năm. Lãi suất từ tháng thứ 13 trở đi kể từ ngày giải ngân đầu tiên với mức lãi suất bằng lãi suất cơ sở của VCCB tại thời điểm điều chỉnh + biên độ tối thiểu 3,99%/năm.

Ngày 08/12/2023 BVBANK ký Hợp đồng mua bán nợ cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức của các tổ chức tín dụng Việt Nam (Viết tắt là VAMC), đồng thời Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức của các tổ chức tín dụng Việt Nam ký Hợp đồng ủy quyền cho Ngân hàng B tiếp tục khởi kiện.

Ngày 22/04/2024, BVBANK có Đơn đề nghị về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là toàn bộ dư nợ gốc và lãi của Giấy đề nghị kiêm HĐ cấp, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ NH điện tử số 00521000867 TD ngày 07/05/2021.

Ngày 24/04/2024, Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức của các tổ chức tín dụng Việt Nam có Đơn đề nghị thực hiện kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu tại Tòa án nhân dân của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao số 03/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 hướng dẫn về việc kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng vì vậy việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần B đã ký kết hợp đồng mua

bán nợ cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức của các tổ chức tín dụng Việt Nam (Viết tắt là VAMC) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngày 22/04/2024, BVBank có Đơn đề nghị về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là toàn bộ dư nợ gốc và lãi của Giấy đề nghị kiêm HĐ cấp, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đang ký dịch vụ NH điện tử số 00521000867 TD ngày 07/05/2021. Đây là sự tự nguyện của đương sự không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu này.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần B - Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B: Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức của các tổ chức tín dụng Việt Nam yêu cầu Tòa án:

Buộc ông Huỳnh Hải N và bà Nguyễn Thị Lan A phải trả tổng số tiền gốc và lãi của 02 hợp đồng nêu trên: **8.922.710.497** đồng. Trong đó: Gốc: 7,397,345,439 đồng, L trong hạn: 1,363,694,509 đồng, Lãi quá hạn: 161,670,549 đồng tính đến ngày 16/7/2024 và buộc ông Huỳnh Hải N, bà Nguyễn Thị Lan A phải chịu toàn bộ số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 17/7/2024 theo mức lãi suất được quy định trong Hợp đồng dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0052100011400 ngày 06/05/2021 và Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0052100023200 ngày 28/09/2021 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp ông Huỳnh Hải N, bà Nguyễn Thị Lan A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần B - Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B: Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức của các tổ chức tín dụng Việt Nam được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm đã ký kết theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đảm bảo nghĩa vụ của người khác số 0052100011300 ngày 06/05/2021. Tài sản thế chấp gồm: Toàn bộ BĐS tại thửa đất số: 307, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Đường L, P. M, quận S, thành phố Đ. GCN QSDĐ QSHNƠ & TSKGLVĐ số: CP 850758, sổ vào sổ cấp GCN: CTs 177850 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 10/01/2019. Giấy phép Xây dựng số: 1630/GPXD do UBND thành phố Đ cấp ngày 09/09/2019 đứng tên ông Huỳnh Hải N. Tài sản được đăng ký thế chấp tại VP ĐKĐĐ quận S, thành phố Đ ngày 06/05/2021.

Trường hợp số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm trên không đủ thanh toán hết nợ thì ông Huỳnh Hải N, bà Nguyễn Thị Lan A vẫn tiếp tục nghĩa vụ trả hết nợ còn thiếu cho Ngân hàng thương mại cổ phần B - Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B: Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức của các tổ chức tín dụng Việt Nam. Đồng thời buộc ông Huỳnh Hải N, bà Nguyễn Thị Lan A phải chịu toàn bộ chi phí trong quá trình tố tụng.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và các phiên họp nhưng thể hiện trong hồ sơ vụ án ông N và bà A1 có nợ Ngân hàng thương mại cổ phần B tiền gốc và tiền lãi như Ngân hàng trình bày.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng số 0052100011400 ngày 06/05/2021 và Hợp đồng tín dụng số 0052100023200 ngày 28/09/2021 được ký kết giữa Ngân hàng B với ông Huỳnh Hải N và bà Nguyễn Thị Lan A trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Huỳnh Hải N và bà Nguyễn Thị Lan A đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng tín dụng, liên tục không trả nợ trong nhiều kỳ. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông N và bà A vẫn không có thiện chí trả nợ.

Do vi phạm các nghĩa vụ trả nợ như cam kết của 02 hợp đồng nêu trên nên Ngân hàng thương mại cổ phần B đã khởi kiện. Việc khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B - Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B: Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức của các tổ chức tín dụng Việt Nam yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh Hải N và bà Nguyễn Thị Lan A phải trả số tiền gốc là **8.922.710.497** đồng còn nợ nói trên là phù hợp với Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về lãi suất:

HĐXX xét thấy: Đối với số tiền lãi trong hạn: 1,363,694,509 đồng, L quá hạn: 161,670,549 đồng. Trong đó:

+ Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0052100011400 ngày 06/05/2021. Trong đó nợ gốc: 6.847.285.439 đồng; Lãi trong hạn: 1.270.540.523 đồng; (Tính từ ngày 07/03/2023 đến 16/07/2024, lãi suất: 14,49%); Lãi quá hạn: 137.752.333 đồng; lãi suất: 8,45% (Tính từ 06/04/2023 đến ngày 16/07/2024); Tổng cộng: 8.922.710.497 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0052100023200 ngày 28/09/2021: Trong đó nợ gốc: 550.060.000 đồng; Lãi trong hạn: 93.153.986 đồng; (tính từ 11/03/2023 đến ngày 16/07/2024, lãi suất 14,99%); Lãi quá hạn: 23.918.216 đồng; lãi suất: 3,4% (Tính từ 06/04/2023 đến ngày 16/07/2024); Tổng cộng: 667.132.202 đồng.

Việc Ngân hàng áp dụng mức lãi suất và đề nghị ông N và bà A1 phải trả là phù hợp với Điều 2 quy định về lãi suất của hợp đồng tín dụng, phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, 8, 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất nên HĐXX chấp nhận.

Do đó, buộc ông N và bà A phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 16/7/2024 tổng số tiền: **8.922.710.497** đồng. Trong đó: Gốc: 7,397,345,439 đồng, L trong hạn: 1,363,694,509 đồng, L quá hạn: 161,670,549 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 17/07/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất (Trong hạn và quá hạn) do các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0052100011400 ngày 06/05/2021 và Hợp đồng tín dụng số 0052100023200 ngày 28/09/2021 trên số nợ gốc cho đến khi trả hết khoản nợ.

Trường hợp ông Huỳnh Hải N và bà Nguyễn Thị Lan A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần B - Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B: Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức của các tổ chức tín dụng Việt Nam được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm đã ký kết theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đảm bảo.

- Toàn bộ BĐS tại thửa đất số: 307, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Đường L, P. M, quận S, thành phố Đ. GCN QSDĐ QSHNƠ & TSKGLVĐ số: CP 850758, số vào sổ cấp GCN: CTs 177850 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 10/01/2019. Giấy phép Xây dựng số: 1630/GPXD do UBND thành phố Đ cấp ngày 09/09/2019 đứng tên ông Huỳnh Hải N. Tài sản được đăng ký thế chấp tại VP ĐKĐĐ quận S, thành phố Đ ngày 06/05/2021.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B - Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B: Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức của các tổ chức tín dụng Việt Nam được chấp nhận nên bị đơn là ông Huỳnh Hải N và bà Nguyễn Thị Lan A phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ông Huỳnh Hải N và bà Nguyễn Thị Lan A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: **116.922.710 đồng** (*Một trăm mười sáu triệu, chín trăm hai mươi hai ngàn, bảy trăm mười đồng*)

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần B - Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B: Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức của các tổ chức tín dụng Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **57.918.620 đồng** (*Năm mươi bảy triệu, chín trăm mười tám ngàn, sáu trăm hai mươi đồng*) theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0002879 ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 4.000.000 đồng ông Huỳnh Hải N và bà Nguyễn Thị Lan A phải chịu, Ngân hàng thương mại cổ phần B - Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B: Công

ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức của các tổ chức tín dụng Việt Nam đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng nên buộc ông Huỳnh Hải N và bà Nguyễn Thị Lan A phải phải trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần B - Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B: Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức của các tổ chức tín dụng Việt Nam số tiền: 4.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 217, khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" của Ngân hàng thương mại cổ phần B - Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B: Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức của các tổ chức tín dụng Việt Nam đối với ông Huỳnh Hải N và bà Nguyễn Thị Lan A.

Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B - Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B: Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức của các tổ chức tín dụng Việt Nam đối với ông Huỳnh Hải N và bà Nguyễn Thị Lan A về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là toàn bộ dư nợ gốc và lãi của Giấy đề nghị kiêm HĐ cấp, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đang ký dịch vụ NH điện tử số 00521000867 TD ngày 07/05/2021.

2. Buộc ông Huỳnh Hải N và bà Nguyễn Thị Lan A phải trả cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức của các tổ chức tín dụng Việt Nam tổng số tiền gốc và lãi của 02 hợp đồng nêu trên: **8.922.710.497** đồng. Trong đó: Gốc: 7,397,345,439 đồng, L trong hạn: 1,363,694,509 đồng, Lãi quá hạn: 161,670,549 đồng tính đến ngày 16/7/2024 và buộc ông Huỳnh Hải N, bà Nguyễn Thị Lan A phải chịu toàn bộ số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 17/7/2024 theo mức lãi suất được quy định trong Hợp đồng dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0052100011400 ngày

06/05/2021 và Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0052100023200 ngày 28/09/2021 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp ông Huỳnh Hải N, bà Nguyễn Thị Lan A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên thì Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức của các tổ chức tín dụng Việt Nam được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm đã ký kết theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đảm bảo nghĩa vụ của người khác số 0052100011300 ngày 06/05/2021. Tài sản thế chấp gồm: Toàn bộ BĐS tại thửa đất số: 307, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Đường L, P. M, quận S, thành phố Đ. GCN QSDĐ QSHNƠ & TSKGLVĐ số: CP 850758, sổ vào sổ cấp GCN: CTs 177850 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 10/01/2019. Giấy phép Xây dựng số: 1630/GPXD do UBND thành phố Đ cấp ngày 09/09/2019 đứng tên ông Huỳnh Hải N. Tài sản được đăng ký thế chấp tại VP ĐKĐĐ quận S, thành phố Đ ngày 06/05/2021.

Trường hợp số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm trên không đủ thanh toán hết nợ thì ông Huỳnh Hải N, bà Nguyễn Thị Lan A vẫn tiếp tục nghĩa vụ trả hết nợ còn thiếu cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

2. **Án phí dân sự sơ thẩm:** Ông Huỳnh Hải N và bà Nguyễn Thị Lan A phải chịu: **116.922.710 đồng** (*Một trăm mười sáu triệu, chín trăm hai mươi hai ngàn, bảy trăm mười đồng*)

Hoàn trả lại cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức của các tổ chức tín dụng Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **57.918.620 đồng** (*Năm mươi bảy triệu, chín trăm mười tám ngàn, sáu trăm hai mươi đồng*) theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0002879 ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3. **Về chi phí tố tụng:** Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 4.000.000 đồng ông Huỳnh Hải N và bà Nguyễn Thị Lan A phải chịu, Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức của các tổ chức tín dụng Việt Nam đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng nên buộc ông Huỳnh Hải N và bà Nguyễn Thị Lan A phải phải trả lại cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức của các tổ chức tín dụng Việt Nam số tiền: 4.000.000 đồng.

4. **Quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà;
- Chi cục THA dân sự quận Sơn Trà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Thị Kim Nhung